TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 09-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé Tư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLPT – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Vĩnh H; cư trú tại: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Trần Hữu N; cư trú tại: Ấp M, xã B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Hữu N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Vĩnh H trình bày:

Chị và anh Trần Hữu N kết hôn vào ngày 21/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do tự tìm hiểu. Trong quá trình

chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không chăm lo cho gia đình mà còn gây ra nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hữu N.

Về con chung: Chị và anh N có con chung tên Trần Ngọc Khả H1, sinh ngày 11/4/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/6/2019, bị đơn anh Trần Hữu N trình bày: Anh thừa nhận anh không biết lo cho gia đình, gây ra nợ nần mới xảy ra mâu thuẫn, nhưng nợ hiện nay đã trả hết. Anh yêu cầu chị H về chung sống với anh vì mâu thuẫn không lớn. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Vĩnh H ly hôn với anh Trần Hữu N.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Ngọc Khả H1, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2018 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh N giao cháu H1 lại cho chị H khi án có hiệu lực pháp luật.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh N, nhưng nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh N.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Hữu N đóng góp nuôi con với chị Trần Thị Vĩnh H số tiền 745.000 đồng/tháng, thời gian tính từ khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi cháu Trần Ngọc Khả H1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2019, bị đơn anh Trần Hữu N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi vì,

Tòa án xét xử vắng mặt anh trong khi anh không nhận được giấy triệu tập của Tòa án. Anh yêu cầu được nuôi con. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho anh nuôi con và buộc anh phải cấp dưỡng, anh vẫn đồng ý nhưng anh yêu cầu không cấp dưỡng bằng tiền hàng tháng, mà cấp dưỡng bằng hiện vật như sữa, tã lót, thuốc khi đau bệnh...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Vĩnh H và anh Trần Hữu N kết hôn vào năm 2018 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nên hai người không còn chung sống với nhau. Về quan hệ hôn nhân, cấp sơ thẩm cho chị H được ly hôn với anh N phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Anh Trần Hữu N kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm xử vắng mặt đối với anh, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ anh N 02 lần, lần thứ nhất vào ngày 19/7/2019 và lần thứ 2 vào ngày 16/8/2019, cả hai lần anh N đều vắng mặt tại địa chỉ cần tống đạt, vì vậy đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã tiến hành xét xử vắng mặt anh N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Anh N kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu Trần Ngọc Khả H1, sinh ngày 11/4/2018. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Khả H1 là con chung. Nhận thấy việc cha mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khi giải quyết ly hôn các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con hoặc Tòa án xử giao con cho ai là người trực tiếp nuôi con phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người và phải quan tâm đến quyền và lợi ích mọi mặt của đứa trẻ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị H và anh N thỏa thuận giao cháu Trần Ngọc Khả H1 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị H chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, vì cháu H1 hiện nay vẫn đang do anh N chăm sóc nuôi dưỡng. Nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N và sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con do các đương sự đã thỏa thuận được ở tại phiên tòa. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hữu N và sửa Bản án số 71/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Khả H1, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2018, hiện nay anh N đang nuôi dưỡng cho anh Trần Hữu N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Vĩnh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

2. Anh Nguyễn Hữu N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do anh N đã nộp theo biên lai thu số 4922 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDTPV: 01;
- THADSTPV: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn